

Số: /QĐ-UBND Ninh Thuận, ngày tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực
trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của
Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp huyện và
Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về
kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và
Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng,
Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành
chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính
lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà
nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
148/TTr-SNNMT ngày 28/4/2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này, khẩn trương tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính để xây dựng quy trình điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các thủ tục hành chính có số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Mục I. Lĩnh vực Bảo vệ thực

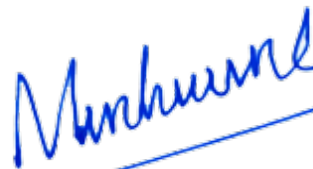
vật, Phần A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh; thủ tục hành chính có số thứ tự 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110 Mục XIII. Lĩnh vực Trồng trọt, Phần A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh ban hành theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh; thay thế Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN và MT (báo cáo);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Chủ tịch, PCT Trịnh Minh Hoàng;
- Công TTĐT tỉnh;
- TT chuyên đổi số (Sở KHCN);
- VPUB: LĐ, KTTH, PVHCC;
- Lưu: VT, NTL

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trịnh Minh Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP HUYỆN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật				
1	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	5 ngày làm việc đối với cơ sở đạt yêu cầu.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 44, đường 16/4, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận)	600.000 đồng/lần	Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- 13 ngày làm việc đối với cơ sở đạt yêu cầu. - 75 ngày làm việc khi nhận được báo cáo khắc phục của cơ sở chưa đủ điều kiện hoặc kết quả kiểm tra lại	-Nnhư trên-	800.000 đồng/lần	-Nnhư trên-
3	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- 13 ngày làm việc đối với cơ sở đạt yêu cầu.	-Nnhư trên-	800.000 đồng/lần	-Nnhư trên-

		- 75 ngày làm việc khi nhận được báo cáo khắc phục của cơ sở chưa đủ điều kiện hoặc kết quả kiểm tra lại			
4	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	24 giờ làm việc	-Nhu trên-	Không	-Nhu trên-
5	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	10 ngày làm việc	-Nhu trên-	500.000 đồng	-Nhu trên-
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	- 10 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân). - 03 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).	-Nhu trên-	200.000 đồng/1 cơ sở/lần	-Nhu trên-
7	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	3 ngày làm việc	-Nhu trên-	Không	-Nhu trên-
II	Lĩnh vực Trồng trọt				

1	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	- 17 ngày làm việc đối với trường hợp Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ). - 03 ngày làm việc đối với trường hợp Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng (kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở).	-Nhu trên-	Không	-Nhu trên-
2	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	07 ngày làm việc	-Nhu trên-	Không	- Như trên -
3	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	24 ngày làm việc	-Nhu trên-	Không	-Nhu trên-
4	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	21 ngày làm việc	-Nhu trên-	Không	-Nhu trên-
5	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	11 ngày làm việc	-Nhu trên-	Không	-Nhu trên-

6	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	21 ngày làm việc	-Nhu trên-	Không	-Nhu trên-
7	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	11 ngày làm việc	-Nhu trên-	Không	-Nhu trên-
8	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	42 ngày làm việc	-Nhu trên-	Không	-Nhu trên-
9	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	42 ngày làm việc	-Nhu trên-	Không	-Nhu trên-
10	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên.	12 ngày, kể từ ngày nhận được Bản kê khai hợp lệ	-Nhu trên-	Không	-Nhu trên -
11	Thẩm định phương án sử dụng tăng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên	20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	-Nhu trên-	Không	-Nhu trên -

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực trồng trọt					
1	Thẩm định phương án sử dụng tăng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện	20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông

					ng nghiệp và Môi trường
2	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện	12 ngày, kể từ ngày nhận được Bản kê khai hợp lệ.	-Nhu trên-	Không	-Nhu trên-

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực trồng trọt					
1	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường